

Số: 684/HD-ĐHDL

Lâm đồng, ngày 18 tháng 8 năm 2016

HƯỚNG DẪN

**Về việc thực hiện chế độ học bổng, miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập
đối với sinh viên hệ đào tạo chính quy Trường Đại học Đà Lạt
từ năm học 2016-2017 đến 2020-2021**

Căn cứ Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg ngày 23/12/1997 của Thủ tướng Chính phủ về học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh sinh viên các trường đào tạo công lập;

Căn cứ Thông tư liên tịch của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Tài chính - Bộ Lao động thương binh và xã hội số 53/1998/TT-LT/BGD&ĐT-BTC-BLĐ-TB&XH, ngày 25/8/1998 hướng dẫn thực hiện chế độ học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập;

Căn cứ Thông tư liên tịch của Bộ Giáo dục và Đào tạo-Bộ Tài chính số 13/2002/TT-LT-BGD&ĐT-BTC ngày 28/3/2002 về việc Hướng dẫn thực hiện Quyết định 194/ 2001/ QĐ-TTg ngày 21/12/ 2001 về việc điều chỉnh mức học bổng chính sách và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số tại các trường đào tạo công lập qui định tại quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg ngày 23/12/1997 của Thủ tướng chính phủ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 18/2009/TTLT/ BGDĐT-BTC-BLĐTBXH, ngày 03/8/2009 sửa đổi bổ sung khoản 4 mục I Phần II Thông tư Liên tịch số 53/1998/TT-LT/BGD&ĐT-BTC-BLĐ-TB&XH, ngày 25/8/1998 hướng dẫn thực hiện chế độ học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 35/2014/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 15/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số Điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021.

Trường Đại học Đà Lạt hướng dẫn về việc thực hiện chế độ học bổng, miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên hệ đào tạo chính quy Trường Đại học Đà Lạt từ năm học 2016-2017 đến 2020-2021.

I. Quy định chung

1. Quy định này áp dụng đối với sinh viên hệ đào tạo chính quy thuộc đối tượng miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và trợ cấp xã hội.

2. Số tín chỉ được miễn, giảm học phí cho cả khoá học đối với sinh viên đại học, cao đẳng các khoá, các ngành cụ thể như sau:

2.1 Đối với đào tạo đại học: số tín chỉ được miễn học phí là 17 tín chỉ/học kỳ; riêng ngành kỹ thuật hạt nhân học kỳ cuối số tín chỉ được miễn học phí là 10 tín chỉ/học kỳ, ngành công nghệ thông tin và ngành công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông học kỳ cuối số tín chỉ được miễn học phí là 15 tín chỉ/học kỳ.

2.2 Đối với đào tạo cao đẳng

a) Ngành CNTT và ngành CNKTĐT-TT: 05 học kỳ đầu số tín chỉ được miễn học phí là 19 tín chỉ/học kỳ; học kỳ cuối số tín chỉ được miễn học phí là 15 tín chỉ/học kỳ.

b) Ngành CNSTH và ngành KT: 05 học kỳ đầu số tín chỉ được miễn học phí là 18 tín chỉ/học kỳ; học kỳ cuối số tín chỉ được miễn học phí là 15 tín chỉ/học kỳ.

2.3 Đối với đào tạo liên thông

a) Ngành CNTT và ngành KT: số tín chỉ được miễn học phí mỗi học kỳ là 17 tín chỉ/học kỳ.

b) Ngành CNKTĐT-TT: 02 học kỳ đầu được số tín chỉ được miễn học phí là 18 tín chỉ/học kỳ; học kỳ cuối số tín chỉ được miễn học phí là 17 tín chỉ/học kỳ.

c) Ngành CNSTH: số tín chỉ được miễn học phí mỗi học kỳ là 16 tín chỉ/học kỳ.

3. Các trường hợp đặc biệt có quy định riêng.

II. Miễn, giảm học phí

1. Đối tượng không phải đóng học phí: Sinh viên sư phạm.

2. Đối tượng được miễn học phí

a) Người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng được hợp nhất tại văn bản số 01/VBHN-VPQH ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Văn phòng Quốc hội. Cụ thể:

- Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; Thương binh; Người hưởng chính sách như thương binh; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến (nếu có);

- Con của người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 (nếu có); con của người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 (nếu có); con của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; con của Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến; con của liệt sỹ; con của thương binh; con của người hưởng chính sách như thương binh; con của bệnh binh; con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.

b) Sinh viên bị tàn tật, khuyết tật thuộc diện hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ;

c) Mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa;

d) Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ;

e) Sinh viên người dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng có Điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn. Cụ thể:

- Người dân tộc thiểu số rất ít người bao gồm: La Hủ, La Ha, Pà Thẻn, Lự, Ngái, Chứt, Lô Lô, Mảng, Cống, Cờ Lao, Bô Y, Si La, Pu Páo, Rơ Măm, BRâu, Ô Đu;

- Vùng có Điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn được xác định theo các văn bản quy định tại phụ lục I kèm theo Hướng dẫn này.

- f) Sinh viên học các chuyên ngành trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.

3. Đối tượng được giảm học phí

- a) Giảm 70% học phí: sinh viên là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người) ở vùng có Điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của cơ quan có thẩm quyền. Cụ thể:

- Người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định tại Điểm e Khoản 2 Mục II Hướng dẫn này);

- Vùng có Điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn: được quy định tại phụ lục I kèm theo Hướng dẫn này (trừ các vùng có Điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn).

- b) Giảm 50% học phí: sinh viên là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.

III. Hỗ trợ chi phí học tập

1. Đối tượng: Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo từng thời kỳ. Không áp dụng đối với sinh viên thuộc các đối tượng chính sách được xét tuyển, đào tạo theo địa chỉ, đào tạo liên thông và học đại học, cao đẳng sau khi hoàn thành chương trình dự bị đại học.

2. Mức hỗ trợ chi phí học tập bằng 60% mức lương cơ sở và được hưởng không quá 10 tháng/năm học/sinh viên và thực hiện 2 lần trong năm: lần 1 chi trả 5 tháng vào tháng 10 hoặc tháng 11, lần 2 chi trả 5 tháng vào tháng 3 hoặc tháng 4; số năm được hưởng hỗ trợ chi phí học tập theo thời gian đào tạo chính thức.

VI. Trợ cấp xã hội

1. Đối tượng

- a) Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở vùng cao. Người dân tộc thiểu số ở vùng cao là người dân tộc ít người liên tục sống ở vùng cao hoặc có hộ khẩu thường trú ở vùng cao ít nhất từ 3 năm trở lên (tính đến thời điểm vào học tại trường đào tạo). Vùng cao được quy định tại phụ lục VI kèm theo Hướng dẫn này.

- b) Sinh viên là người tàn tật và có khó khăn về kinh tế, khả năng lao động bị suy giảm từ 41% trở lên do tàn tật.

- c) Sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế, vượt khó học tập là những người mà gia đình của họ thuộc diện hộ nghèo.

- d) Sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa.

2. Mức hưởng trợ cấp xã hội

- Trợ cấp xã hội là 100.000 đồng/người/tháng, riêng sinh viên là người dân tộc thiểu số mức hưởng trợ cấp xã hội là 140.000 đồng/người/tháng.

- Trợ cấp xã hội cấp 12 tháng trong năm học.

- Sinh viên thuộc đối tượng hưởng trợ cấp xã hội nếu vi phạm kỷ luật, tùy mức nặng nhẹ sẽ bị cắt giảm mức trợ cấp xã hội. Mức cụ thể do Hiệu trưởng Nhà trường quyết định.

V. Thủ tục xét miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và trợ cấp xã hội

1. Hồ sơ:

a) Đơn đề nghị miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và trợ cấp xã hội:

- Đối với các đối tượng thuộc diện được miễn giảm học phí: Mẫu đơn theo phụ lục II.

- Đối với các đối tượng thuộc diện được hỗ trợ chi phí học tập: Mẫu đơn theo phụ lục III.

- Đối với các đối tượng thuộc diện trợ cấp xã hội: Mẫu đơn theo phụ lục IV.

b) Bản sao chứng thực giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và trợ cấp xã hội đối với các đối tượng sau:

- Giấy xác nhận của cơ quan quản lý đối tượng người có công đối với đối tượng được quy định tại Điểm a Khoản 2 Mục II Hướng dẫn này;

- Giấy xác nhận khuyết tật do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp hoặc Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với đối tượng được quy định tại Điểm b Khoản 2 Mục II và Điểm b Khoản 1 Mục VI của Hướng dẫn này và giấy tờ chứng minh là hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân xã cấp hoặc xác nhận;

- Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với đối tượng được quy định tại Điểm c Khoản 2 Mục II và Điểm d Khoản 1 Mục VI của Hướng dẫn này;

- Giấy khai sinh và giấy tờ chứng minh là hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp hoặc xác nhận cho đối tượng được quy định tại Điểm d Khoản 2 Mục II và Khoản 1 Mục III Hướng dẫn này;

- Giấy khai sinh và sổ hộ khẩu thường trú hoặc giấy đăng ký tạm trú đối với đối tượng được quy định tại Điểm e Khoản 2 Mục II, Điểm a Khoản 3 Mục II và Điểm a Khoản 1 Mục IV Hướng dẫn này;

- Sổ hưởng trợ cấp hàng tháng của cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp do tổ chức bảo hiểm xã hội cấp đối với đối tượng được quy định tại Điểm b Khoản 3 Mục II Hướng dẫn này;

- Sinh viên thuộc diện miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và trợ cấp xã hội chỉ phải làm 01 bộ hồ sơ nộp một lần cho cả thời gian học tập. Riêng đối với sinh viên thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo thì vào mỗi đầu học kỳ phải nộp bổ sung giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo để làm căn cứ xem xét miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho kỳ học tiếp theo.

2. Trình tự thực hiện: Trong vòng 45 ngày kể từ ngày khai giảng năm học, sinh viên làm Đơn đề nghị miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và trợ cấp xã hội kèm theo bản sao giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và trợ cấp xã hội nộp tại văn phòng khoa theo tinh thần thông báo của Phòng Công tác sinh viên.

3. Trách nhiệm xét duyệt và thẩm định hồ sơ:

a) Phòng Công tác sinh viên có trách nhiệm xét duyệt hồ sơ và quyết định miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và trợ cấp xã hội đối với sinh viên; đồng thời lập danh sách sinh viên được miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và trợ cấp xã hội Hiệu trưởng Nhà trường duyệt theo mẫu quy định tại phụ lục V;

b) Phòng Tài Chính lập dự toán kinh phí theo mẫu quy định gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt, bố trí kinh phí thực hiện trong dự toán ngân sách hàng năm;

Thời gian sinh viên bị kỷ luật ngừng học hoặc buộc thôi học, học lại, học bổ sung thì sẽ không được cấp bù tiền miễn, giảm học phí.

VI. Tổ chức thực hiện

1. Đối với đối tượng thuộc diện được miễn học phí là sinh viên hệ cử tuyển: các địa phương thực hiện chi trả kinh phí đào tạo (bao gồm tiền học phí, học bổng và trợ cấp) trên cơ sở hợp đồng với trường Đại học Đà Lạt.

2. Đối với đối tượng thuộc diện được miễn học phí là sinh viên học các chuyên ngành trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử: Thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 208/2014/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2014 của Liên Bộ Tài chính Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn một số Điều của Nghị định số 124/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách ưu đãi, hỗ trợ người đi đào tạo trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.

3. Các đối tượng thuộc diện được miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo quy định tại Hướng dẫn này mà cùng một lúc được hưởng nhiều chính sách hỗ trợ có cùng tính chất thì chỉ được hưởng một chế độ ưu đãi cao nhất.

4. Sinh viên thuộc diện được miễn, giảm học phí nếu đồng thời học ở nhiều ngành thì được hưởng một chế độ ưu đãi.

5. Không áp dụng chế độ ưu đãi về miễn, giảm học phí đối với sinh viên trong trường hợp đã hưởng chế độ này tại một cơ sở giáo dục đại học, nay tiếp tục học thêm ở một cơ sở giáo dục đại học khác cùng cấp học và trình độ đào tạo.

6. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật nêu tại Hướng dẫn này được sửa đổi, bổ sung hay thay thế bằng văn bản mới thì sẽ được thực hiện theo văn bản mới ban hành.

VII. Điều khoản thi hành

Hướng dẫn này có hiệu lực từ ngày ký. Những quy định trước đây trái với Hướng dẫn này đều bãi bỏ./.

Nơi nhận :

- Ban Giám hiệu;
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu: VT, CTSV.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Nguyễn Đức Hòa